

BIỂU 2: PHƯƠNG ÁN KHÁI TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT THU HỒI THUỘC DỰ ÁN: TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ LIÊN CẤP TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ THANH NƯA

ĐVT: Đồng.

STT	Họ và tên/Nội dung	ĐVT	Số lượng, khối lượng, diện tích thu hồi	Đơn giá (đồng)	Mức BT, HT	Thành tiền
1	Nguyễn Thị Quý	Thửa số 1, mảnh trích đo BĐDC số 03-2025, loại đất: ONT+HNK				36.274.112
	Số định danh cá nhân	034148007700				
	Địa chỉ thường trú	Thôn Thanh Hồng 7, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên				
	Số điện thoại	0976028847				
	Diện tích đo đạc thửa 1, mảnh trích đo BĐDC số 03-2025	m2	1.807,0			
	Diện tích thu hồi thửa 1, mảnh trích đo BĐDC số 03-2025	m2	283,1			
	Diện tích còn lại	m2	1.523,9			
	Nguồn gốc sử dụng đất	Có GCN quyền sử dụng đất số K036492				
a	Bồi thường về đất:	m2	283,1			16.986.000
	Bồi thường đất trồng cây hàng năm khác vị trí 1, ký hiệu HNK	m2	283,1	60.000		16.986.000
		<p>Căn cứ trích lục chính lý địa chính của thửa đất số 01 do Công ty TNHH trách địa Thành Đạt ký ngày 24/4/2026, diện tích thu hồi của thửa đất số 01 gồm 68.1m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), phần diện tích còn lại là 215m2 chưa được cấp GCNQSDĐ.</p> <p>Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần diện tích được cấp GCNQSDĐ nằm trong phạm vi thu hồi có nguồn gốc là thửa đất số 111, tờ bản đồ 359-d được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ số K036492, cấp ngày 20/12/1996 mang tên Nguyễn Văn Dương. Ngày 07/5/2018 thửa đất đã được thừa kế cho bà Nguyễn Thị Quý. Loại đất trong phạm vi thu hồi là đất BHK. - Phần diện tích chưa được cấp GCNQSDĐ nằm trong phạm vi thu hồi có nguồn gốc là thửa đất số 128, tờ bản đồ 359-d (quy chủ đất Hoang) và một phần diện tích đường đi cũ (Đường đi này không phải diện tích đường giao thông của thôn bản mà thuộc diện tích đất của bà Nguyễn Thị Quý, được sử dụng làm lối đi trong khuôn viên thửa đất của bà Quý). Năm 1996-1997 bà Nguyễn Thị Quý khai hoang, cải tạo thửa đất số 128 cùng một phần diện tích đường đi, lối đi cũ và sử dụng toàn bộ diện tích này để sử dụng vào mục đích đất HNK ổn định, không tranh chấp từ năm 1996-1997 đến nay. 				
b	Tài sản, vật kiến trúc					-
	Không					

c	Cây trồng, vật nuôi					2.302.112
	Các loại rau gia vị: (6,2x6,4)+(3,5x4,7)+(13,2x(3,5+2))	m2	230,0	7.200	100%	1.656.199
	Chuối các loại: 1 cây	kg	10,3	6.200	70%	44.837
	Cò chăn nuôi: 154,4m2	kg	261,3	2.300	100%	601.076
d	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					16.986.000
	Thửa 1: Hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 1 lần giá đất trồng cây hàng năm khác trong bảng giá đất của UBND tỉnh (theo Điều 15 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Điện Biên, nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên): 60000đ/m2	m2	283,1	60.000		16.986.000
2	Nguyễn Đình Phóng - Vũ Thị Diên		Thửa số 2, mảnh trích đo BĐĐC số 03-2025, loại đất: ONT + CLN+NTS+HNK			460.734.521
	Số định danh cá nhân Nguyễn Đình Phóng		034072011393			
	Số định danh cá nhân Vũ Thị Diên		034173010675			
	Địa chỉ thường trú		Thôn Hồng Thanh 7, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên			
	Số điện thoại		0915571632			
	Diện tích đo đạc thửa số 2, mảnh trích đo BĐĐC số 03-2025	m2	4.384,9			
	Diện tích thu hồi thửa số 2, mảnh trích đo BĐĐC số 03-2025	m2	1.331,7			
	Diện tích còn lại	m2	3.053,2			
	Nguồn gốc sử dụng đất		Có GCN quyền sử dụng đất số CH00621 UBND huyện Điện Biên cấp ngày 26/01/2016, GCN quyền sử dụng đất số CH00678 UBND huyện Điện Biên cấp ngày 28/6/2016			
a	Bồi thường về đất:					87.252.800
	Thửa 2: Bồi thường đất ở nông thôn vị trí 2, ký hiệu ONT	m2	0,8	340000		272.000
	Thửa 2: Bồi thường đất nuôi trồng thủy sản vị trí 1, ký hiệu NTS	m2	742,4	62000		46.028.800
	Thửa 2: Bồi thường đất trồng cây hàng năm khác vị trí 1, ký hiệu HNK	m2	24,3	60000		1.458.000
	Thửa 2: Bồi thường đất trồng cây lâu năm vị trí 1, ký hiệu CLN	m2	564,2	70000		39.494.000

	<p>Nguồn gốc sử dụng đất</p>	<p>Căn cứ trích lục chính lý địa chính thửa đất số 02 do Công ty TNHH trách địa Thành Đạt ký ngày 24/4/2026, diện tích thu hồi của thửa đất số 02 gồm 767.5m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), phần diện tích còn lại là 564.2m² chưa được cấp GCNQSDĐ. Cụ thể như sau:</p> <p>- Phần diện tích được cấp GCNQSDĐ nằm trong phạm vi thu hồi gồm:</p> <p>+ Thửa đất số 126, tờ bản đồ 359-d được cấp GCNQSDĐ số CD184765 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 28/6/2016 mang tên Nguyễn Đình Phóng và Vũ Thị Diên, loại đất ONT và BHK (đất BHK nay là đất HNK), diện tích thu hồi 0.8m² ONT và 24.3m² BHK.</p> <p>+ Thửa đất số 127, tờ bản đồ 359-d được UBND huyện Điện Biên cấp GCNQSDĐ số CD 184968 cấp ngày 26/01/2016 mang tên Nguyễn Đình Phóng, loại đất NTS. Năm 2019-2020 ông Nguyễn Đình Phóng cải tạo sử dụng thửa đất vào mục đích đất trồng cây lâu năm đến nay. Diện tích thu hồi 742.4m² NTS.</p> <p>- Phần diện tích chưa được cấp GCNQSDĐ nằm trong phạm vi thu hồi có nguồn gốc như sau: Năm 1996-1997 Ông Nguyễn Đình Phóng nhận chuyển nhượng từ ông Lò Văn Bánh (bản Phai Đin) và bà Lò Thị Cu (bản Phai Đin). Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Nguyễn Đình Phóng sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm ổn định, không tranh chấp từ năm 1996-1997 đến nay.</p>				
b	Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc:					114.191.310
GT9/2025	Ống nước HDPE phi 20: 50m	md	50,0	21.667	100%	1.083.350
157.VIII	Giếng khoan (gia đình tự khai): 100m	m	100,0	200.000	100%	20.000.000
AE22113	Tường 110mm xung quanh giếng (cao 0,8m): 3m	m ³	0,3	1.947.006	100%	514.010
219.XII	Tấm đập BTCT: 0,8 x 1,2m	m ²	1,0	267.200	100%	256.512
174.IX	Bể nước phục vụ SXNN tường 110mm, không nắp, đáy BT: 2 x 3 x 0,8m	m ³	4,8	1.080.400	100%	5.185.920
GT9/2025	Tấm fibroximang: 8 tấm	tấm	8,0	39.352	100%	314.816
174.IX	Bể nước phục vụ SXNN tường 110mm, không nắp, đáy BT: 7,3 x 4 x 2,5m	m ³	73,0	1.080.400	100%	78.869.200
DT	Cột BTCT: 0,2 x 0,2 x 8m x 3 cột	m ³	1,0	3.663.127	100%	3.516.602
GT9/2025	Ống nước HDPE phi 25: 50m	m	50,0	38.740	100%	1.937.000
GT9/2025	Ống nước PVC phi 110: 50m	m	50,0	50.278	100%	2.513.900
c	Cây trồng, vật nuôi					166.370.411
	Cau năm thứ 4 trở đi: 5+3 cây	cây	8,0	386.000	70%	2.161.600
	Cây quế từ năm thứ 2 đến năm thứ 4: 5 cây	cây	5,0	32.000	70%	112.000
	Mít trồng năm thứ 7 (trồng năm 2019): 6 cây	kg	1.932,2	10.600	70%	14.337.221
	Vú sữa trồng năm thứ 3: 1 cây	cây	1,0	226.700	70%	158.690
	Dứa: 2 x 15m+ 3 x 2m	kg	46,4	7.600	100%	352.260
	Nghệ: 10 x 3m	kg	21,0	19.200	100%	402.797
	Buổi trồng năm thứ 7 (trồng năm 2019): 43 cây	kg	15.527,9	11.000	70%	119.564.845
	Đu đủ: 2 cây	kg	22,0	6.600	70%	101.794
	Hoa huệ: 8 khóm x 48 hàng x 4 luống	khóm	1.536,0	1.000	100%	1.536.000
	xoài trồng năm thứ 7 (trồng năm 2019): 1 cây	kg	103,9	5.800	70%	421.976
	Na trồng năm thứ 3: 9 cây	cây	9,0	145.500	70%	916.650
	Rau gia vị (húng): 10 x 20m	kg	357,4	7.200	100%	2.573.136
	Rau cải: 5 x 20m	kg	171,2	4.200	100%	718.830

AN
 TR
 PH
 G
 TIN

	Bơ trồng năm thứ 7 (trồng năm 2019): 2 cây	kg	2.219,0	10.600	70%	16.465.277
	Su su: 10 x 20m	kg	361,7	2.800	100%	1.012.872
	Cà trồng dưới giàn su su: 10 x 20m	kg	372,0	3.500	100%	1.301.930
	Chè: 5 x 2m trồng 2020 (8 cây)	kg	7,4	10.000	70%	51.450
	Rau ngọt: 10 x 2m	kg	37,8	3.500	100%	132.419
	Cau trồng năm thứ 4 trở lên: 9 cây	cây	9,0	386.000	70%	2.431.800
	Cây vối đường kính thân 10 đến > 20cm: 1 cây	cây	1,0	65.000	70%	45.500
	Rau khai: 3 x 6m	kg	34,8	3.500	100%	121.829
	Na trồng năm thứ 7 (trồng năm 2019): 1 cây	kg	22,0	18.800	70%	289.388
	Riềng: 2 x 2m	kg	7,1	19.200	100%	137.234
	Gừng: 10 x 3m	kg	29,8	19.200	100%	572.890
	Chanh trồng năm thứ 7 (trồng năm 2019): 1 cây	kg	60,1	10.700	70%	450.023
d	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					92.920.000
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 1 lần giá đất trồng cây lâu năm trong bảng giá đất của UBND tỉnh (theo Điều 15 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Điện Biên, nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên): 70.000đ/m ²	m ²	742,4	70000		51.968.000
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 1 lần giá đất trồng cây hàng năm khác trong bảng giá đất của UBND tỉnh (theo Điều 15 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Điện Biên, nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên): 60.000đ/m ²	m ²	24,3	60000		1.458.000
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 1 lần giá đất trồng cây lâu năm trong bảng giá đất của UBND tỉnh (theo Điều 15 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Điện Biên, nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên): 70.000đ/m ²	m ²	564,2	70000		39.494.000
3	Lò Thị Lả (Thiên), Lò Văn Muôn (đã chết)	Thửa số 24+25 - TBD , ký hiệu RSX				0
	Số định danh cá nhân Lò Thị Lả (Thiên)	011162003999				
	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:	Bản Phai Đin, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên				
	Địa chỉ thửa đất thu hồi:	Bản Phai Đin, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên				
	Số điện thoại liên hệ:	0338981354				
	Tổng diện tích đo đạc	m²	1.139,7			
	Diện tích đo đạc thửa số 24	m ²	915,4			
	Diện tích đo đạc thửa số 25	m ²	224,3			
	Tổng diện tích thu hồi	m²	1.139,7			
	Diện tích thu hồi thửa số 24	m ²	915,4			
	Diện tích thu hồi thửa số 25	m ²	224,3			

	Diện tích còn lại	m2	-			
a	Bồi thường về đất:					0
	Thửa đất số 24, ký hiệu RSX không bồi thường đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo điều 101 luật đất đai 2024	m2	915,4			-
	Nguồn gốc sử dụng đất	Thửa đất số 24, trích đo bản đồ địa chính số 03-2025 dự án trường nội trú liên cấp xã Thanh Nưa có nguồn gốc là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 1 đã được UBND huyện Điện Biên giao đất giao rừng cho bà Lò Thị Lả tại Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 về việc giao đất, giao rừng tại địa bàn xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (Nay là xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên).				
	Thửa đất số 25, ký hiệu RSX không bồi thường đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo điều 101 luật đất đai 2024	m2	224,3			
	Nguồn gốc sử dụng đất	<p>Trước năm 1978 thửa đất là rừng tự nhiên (đồi sim, giang, cây gỗ...). Khoảng năm 1978 ông Lò Văn So phát dọn thửa đất làm nương trồng sắn. Năm 1982 ông Lò Văn So chuyển cho con trai là Lò Văn Muôn và con dâu là bà Lò Thị Lả quản lý, sử dụng. Năm 1985 tại khu vực thửa đất triển khai dự án trồng trầu, ông Lò Văn Muôn và bà Lò Thị Lả được cung cấp giống cây để trồng trầu trên thửa đất, tuy nhiên sau khi trồng, chăm sóc, cây trầu không phát triển được và bị chết. Năm 1999 ông Lò Văn Muôn và bà Lò Thị Lả tiếp tục trồng Muồng theo dự án trồng muồng, keo (dự án cung cấp giống cây) nhưng phần lớn cây trồng bị chết, không phát triển được. Năm 2009 ông Lò Văn Muôn chết, bà Lò Thị Lả tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất. Năm 2015 triển khai dự án trồng đồi xanh, bà Lò Thị Lả được cung cấp giống cây, phân bón để trồng đồi xanh trên thửa đất. Trong quá trình chăm sóc cây trồng đều bị chết, không phát triển được. Từ sau khoảng năm 2015 đến nay cây tái sinh tự nhiên phát triển thành rừng tự nhiên. Bà Lò Thị Lả và Lò Văn Vinh là người chăm sóc, bảo vệ rừng.</p>				
b	Tài sản, vật kiến trúc					0
	không					
c	Cây trồng, Vật nuôi					0
	Thửa 24+25					
	Cây trồng phân tán trồng từ 3 năm đến dưới 4 năm (đường kính thân 5 < 7 cm): 215+1 cây	cây	216,0			-
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân 7 đến < 10 cm	cây	36,0			-
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân 10 đến < 20 cm	cây	17,0			-
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân ≥ 20 cm: 8 cây	cây	8,0			-
	Cây trồng phân tán trồng từ 2 năm đến dưới 3 năm (đường kính thân 3 cm < 5 cm): 165+2 cây	cây	167,0			-
	Cây Mây từ năm thứ 5 trở đi: 1 khóm	khóm	1,0			-
	Cây nhãn trồng năm thứ 3: 1 cây	cây	1,0			-
	Cây lấy Gỗ nhóm I đến nhóm III Đường kính thân 10 đến < 20 cm (gỗ lát): 1 cây	cây	1,0			-
	Cây lấy Gỗ nhóm I đến nhóm III Đường kính thân ≥ 20 cm (gỗ lát): 1 cây	cây	1,0			-

DÂN
JNG
ÁT T
UY E
H ĐIỆN
★

	Cây giới đường kính thân từ 1 đến 5cm: 45 cây	cây	45,0			-
d	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					0
	Thửa 24+25: Không đủ điều kiện bồi thường theo khoản 2 điều 101, Luật đất đai năm 2024, không đủ điều kiện hỗ trợ	m2	1.139,7			
4	Đình xuân Chính		Thửa số 53 mảnh trích đo BĐDC số 03-2025 loại đất: HNK + CLN			132.332.500
	Số định danh cá nhân Đình Xuân Chính	011085006771				
	Số định danh cá nhân: Phạm Thị Hải	011189002365				
	Địa chỉ thường trú	Thôn Việt Thanh 4, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên				
	Số điện thoại	0931661468				
	Diện tích đo đạc thửa 53	m2	4.154,6			
	Diện tích thu hồi thửa 53	m2	1.118,7			
	Diện tích còn lại	m2	3.035,9			
	Nguồn gốc sử dụng đất	Đã được cấp GCNQSDĐ số CQ 631575, số vào sổ CH01587 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 05/8/2020				
a	Bồi thường về đất:					74.782.000
	Bồi thường đất trồng cây hàng năm khác vị trí 1, ký hiệu HNK	m2	352,7	60.000		21.162.000
	Bồi thường đất trồng cây lâu năm vị trí 1, ký hiệu CLN	m2	766,0	70.000		53.620.000
	Nguồn gốc sử dụng đất	<p>Diện tích thu hồi của thửa đất số 53 gồm một phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) phần diện tích còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần diện tích đã được cấp GCNQSDĐ nằm trong phạm vi thu hồi: thuộc GCNQSDĐ số CQ 631575, số vào sổ CH01587 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 05/8/2020, thửa đất số 562, tờ bản đồ 359-d (MTĐ số 343-2020), loại đất bằng trồng cây hàng năm khác BHK (Nay là đất trồng cây hàng năm khác HNK). Tại thời điểm điều tra, khảo sát, kiểm đếm, hiện trạng thửa đất trong phạm vi thu hồi không có cây trồng trên đất. - Phần diện tích chưa được cấp GCNQSDĐ nằm trong phạm vi thu hồi có nguồn gốc như sau: Ông Đình Văn Phụng khai hoang và sử dụng thửa đất vào mục đích đất trồng cây lâu năm như chè, tre, mít (không nhớ thời điểm khai hoang). Đến năm 2013 ông Đình Văn Phụng tặng cho cháu trai là Đình Xuân Chính sử dụng thửa đất (không có văn bản, giấy tờ, hợp đồng về việc tặng cho QSDĐ). Sau khi nhận tặng cho ông Đình Xuân Chính tiếp tục sử dụng thửa đất vào mục đích trồng cây lâu năm (tre) ổn định, không tranh chấp từ năm 2013 đến nay. Tại thời điểm điều tra, khảo sát, kiểm đếm, hiện trạng thửa đất trong phạm vi thu hồi có trồng tre trên đất. 				
b	Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc:					-
	không					-
c	Cây trồng, vật nuôi					3.930.500

	Tre, Trúc lấy thân đường kính thân < 5 cm: 13 cây	cây	13,0	15.000	70%	136.500
	Tre, Trúc lấy thân đường kính thân từ 5 cm đến < 10 cm: 127 cây	cây	127,0	20.000	70%	1.778.000
	Tre, Trúc lấy thân đường kính thân ≥ 10 cm: 96 cây	cây	96,0	30.000	70%	2.016.000
d	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					53.620.000
	Phần diện tích trồng cây hàng năm khác tại thời điểm điều tra, khảo sát, kiểm đếm, hiện trạng thừa đất trong phạm vi thu hồi không có cây trồng trên đất. Không có cơ sở để hỗ trợ.	m2	352,7			
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 1 lần giá đất trồng cây lâu năm trong bảng giá đất của UBND tỉnh (theo Điều 15 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Điện Biên, nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên): 70.000đ/m2	m2	766,0	70000		53.620.000
5	Đặng Văn Duy - Đinh Thị Hào		Thửa số 64 mảnh trích đo BĐDC số 03-2025, loại đất: HNK			60.619.315
	Số định danh cá nhân Đặng Văn Duy	036082010049				
	Số định danh cá nhân: Đinh Thị Hào	011183002118				
	Địa chỉ thường trú	Thôn Việt Thanh 4, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên				
	Số điện thoại	0913983235				
	Diện tích đo đạc	m2	2.381,4			
	Diện tích thu hồi	m2	734,4			
	Diện tích còn lại	m2	1.647,0			
	Nguồn gốc sử dụng đất	Trước năm 2013 thửa đất do ông Vũ Tiến Thuật quản lý, sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm. Đến năm 2013 ông Vũ Tiến Thuật chuyển nhượng cho ông Đặng Văn Duy và bà Đinh Thị Hào (Có hợp đồng đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất viết tay ngày 01/3/2013). Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đặng Văn Duy và bà Đinh Thị Hào tiếp tục sử dụng thửa đất vào mục đích đất trồng cây lâu năm ổn định, không tranh chấp đến nay. Phạm vi thu hồi đất chưa được cấp GCNQSDĐ.				
a	Bồi thường về đất:	m2	734,4			51.408.000
	Bồi thường đất trồng cây lâu năm vị trí 1, ký hiệu CLN	m2	734,4	70.000		51.408.000
b	Tài sản, vật kiến trúc					-
	Không					-
c	Cây trồng, vật nuôi					9.211.315
	Cây Chè khác giai đoạn kinh doanh: 200 cây trồng năm 2002	kg	51,5	10.000	70%	360.150
	Bồ kết từ năm thứ 4 trở đi: 3 cây	cây	3,0	250.000	70%	525.000
	Cây Roi giai đoạn kinh doanh: 1 cây trồng 1996	kg	13,9	8.200	70%	79.815
	Tre lấy thân đường kính thân < 5 cm: 43 cây	cây	43,0	15.000	70%	451.500

TAM
RIỂN
ẤT
BIÊN

	Tre lấy thân đường kính thân từ 5 cm đến < 10 cm: 35 cây	cây	35,0	20.000	70%	490.000
	Tre lấy thân đường kính thân ≥ 10 cm: 89 cây	cây	89,0	30.000	70%	1.869.000
	Cây lấy gỗ trồng từ 3 năm đến dưới 4 năm (đường kính thân 5 < 7 cm) cây chầu: 12 cây	cây	12,0	39.000	70%	327.600
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân 7 đến < 10 cm: 10 cây	cây	10,0	65.000	70%	455.000
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân 10 đến < 20 cm: 5 cây	cây	5,0	125.000	70%	437.500
	Cây Mây từ năm thứ 5 trở đi: 55 khóm	khóm	55,0	109.500	70%	4.215.750
D	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					-
	Hộ gia đình ông Đặng Văn Duy không phải hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 64 (tại Báo cáo số 238/BC-UBND của UBND xã Thanh Nưa ngày 07/5/2026), không đủ điều kiện hỗ trợ.	m2	734,4			-
6	UBND xã Thanh Nưa		Thửa số 10 mảnh trích đo BĐDC số 03-2025 loại đất: DGT			-
	Số định danh cá nhân					
	Địa chỉ thường trú	Bản Phai Đìn, xã Thanh Nưa tỉnh Điện Biên				
	Số điện thoại					
	Diện tích đo đạc thửa 10	m2	211,6			
	Diện tích thu hồi thửa 10	m2	211,6			
	Nguồn gốc sử dụng đất					
a	Bồi thường về đất:					-
	Thửa 10 mảnh trích đo BĐDC số 03 thuộc đất giao thông (DGT) Không bồi thường theo khoản 2 điều 101 luật đất đai 2024	m2	211,6	0		-
b	Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc:					-
	không					
c	Cây trồng, vật nuôi					-
	không					
d	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					0
	Không					
7	Lò Thị Ọi và những người thừa kế theo quy định pháp luật của ông Quảng Văn Bản (Quảng Văn Vãn) (đã chết)		Thửa số 67, 68 mảnh trích đo BĐDC số 03-2025 loại đất: HNK+RSX			9.834.000
	Số định danh cá nhân	011171001180				
	Địa chỉ thường trú	Bản Phai Đìn, xã Thanh Nưa tỉnh Điện Biên				
	Số điện thoại	0961593362				
	Tổng diện tích đo đạc	m2	709,6			
	Diện tích đo đạc thửa số 67	m2	545,7			
	Diện tích đo đạc thửa số 68	m2	163,9			
	Tổng diện tích thu hồi	m2	709,6			

	Diện tích thu hồi thửa đất số 67, ký hiệu RSX	m2	545,7			
	Diện tích thu hồi thửa đất số 68, ký hiệu HNK	m2	163,9			
a	Bồi thường về đất:					9.834.000
	Thửa 67 không bồi thường đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo điều 101 luật đất đai 2024	m2	545,7	0		-
	Nguồn gốc sử dụng đất thửa 67	<p>Trước năm 1978 thửa đất là rừng tự nhiên (đồi sim, gianh, cây gỗ...). Khoảng năm 1978 ông Quảng Văn Giót phát dọn thửa đất làm nương trồng sắn. Năm 1985 tại khu vực thửa đất triển khai dự án trồng trầu, ông Quảng Văn Giót được cung cấp giống cây để trồng trầu trên thửa đất, tuy nhiên sau khi trồng, chăm sóc, cây trầu không phát triển được và bị chết. Năm 1998, ông Quảng Văn Giót chuyển cho con dâu là bà Lò Thị Oị quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng. Năm 1999 bà Lò Thị Oị trồng Muồng theo dự án trồng muồng, keo (dự án cung cấp giống cây) nhưng phần lớn cây trồng bị chết, không phát triển được. Năm 2015 triển khai dự án trồng dổi xanh, bà Lò Thị Oị được cung cấp giống cây, phân bón để trồng dổi xanh trên thửa đất. Trong quá trình chăm sóc, cây trồng đều bị chết, không phát triển được. Từ sau khoảng năm 2015 đến nay cây tái sinh tự nhiên phát triển thành rừng tự nhiên. Trong quá trình chăm sóc, bảo vệ rừng bà Lò Thị Oị có trồng thêm một số khóm tre trên thửa đất. Hiện trạng thửa đất là rừng tự nhiên. Bà Lò Thị Oị là người chăm sóc bảo vệ rừng.</p>				
	Bồi thường đất trồng cây hàng năm khác thửa đất số 68, ký hiệu HNK	m2	163,9	60.000		9.834.000
	Nguồn gốc sử dụng đất thửa 68	<p>Thửa đất trước đây là phần chân đồi có địa hình thoải, độ dốc thấp được ông Quảng Văn Giót khai hoang, cải tạo (không nhớ thời điểm khai hoang) và sử dụng vào mục đích đất nuôi trồng thủy sản (NTS). Khoảng năm 1998 ông Quảng Văn Giót tặng cho con trai là Quảng Văn Văn và con dâu là Lò Thị Oị sử dụng (không có hồ sơ, giấy tờ về việc tặng cho quyền sử dụng đất). Sau khi nhận tặng cho ông Quảng Văn Văn và bà Lò Thị Oị tiếp tục sử dụng thửa đất vào mục đích NTS. Năm 2001 ông Quảng Văn Văn và bà Lò Thị Oị sử dụng thửa đất vào mục đích đất HNK. Năm 2006 ông Quảng Văn Văn chết, thửa đất được bà Lò Thị Oị quản lý, sử dụng vào mục đích HNK đến nay. Tại thời điểm điều tra, khảo sát, kiểm đếm tài sản gắn liền với đất, hiện trạng thửa đất tài sản không có cây trồng trên đất. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa thực hiện thừa kế quyền sử dụng đất. Tại thời điểm điều tra, khảo sát, kiểm đếm, xác minh hộ gia đình bà Lò Thị Oị không trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 68, hiện trạng các thửa đất không có cây trồng trên đất, hộ gia đình bà Lò Thị Oị không có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 68.</p>				
b	Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc:					-
	Không					
c	Cây trồng, vật nuôi					-
	Thửa 67					
	Cây trồng phân tán trồng từ 3 năm đến dưới 4 năm (đường kính thân 5 < 7 cm): 22 cây	Cây	22,0			
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân 7 đến < 10 cm: 56 cây	Cây	56,0			-

	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân 10 đến < 20 cm: 14 cây	Cây	14,0	không đủ điều kiện bồi thường		-
	Cây lấy Gỗ nhóm IV đến nhóm VIII Đường kính thân ≥ 20 cm: 20 cây	Cây	20,0			-
	Giới xanh năm thứ 2 đến năm thứ 4 (đường kính gốc từ 1 cm đến < 5 cm): 15 cây	Cây	15,0			-
	Giới xanh năm thứ 5,6 (đường kính thân từ 5 đến < 7 cm): 26 cây	Cây	26,0			-
	Cây Tre lấy măng trồng từ năm thứ 4 trở đi (giai đoạn thu hoạch) từ > 5 cây/khóm: 5 nhóm	khóm	5,0			-
d	Chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác					-
	Thửa đất số 67: Không đủ điều kiện bồi thường theo điều 101, Luật đất đai năm 2024, không đủ điều kiện hỗ trợ	m2	545,7			
	Thửa đất số 68: Báo cáo số: 141/BC-UBND ngày 23/3/2026 của UBND xã Thanh Nưa xác nhận không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi.	m2	163,9			

BIỂU TÍNH HỢP BHIÊN ĐANG AN KHAI TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN: RỪNG PHỒ THỐNG NỘI TRÚ LIÊN CẤP TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ THANH NỮA



STT	Họ và tên	Thửa số	TĐĐ	Diện tích đo đạc (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ				Thành tiền (đồng)	
							Vê đất	Tài sản, vật kiến trúc	Cây trồng, vật nuôi	Chính sách hỗ trợ		Hỗ trợ khác
1	Nguyễn Thị Quý	1		1.807,0	283,1	1.523,9	16.986.000	-	2.302.112	16.986.000	-	36.274.112
2	Nguyễn Đình Phóng	2		4.384,9	1.331,7	3.053,2	87.252.800	114.191.310	166.370.411	92.920.000	-	460.734.521
3	Lò Thị Lả (Thiên), Lò Văn Muốn (đã chết)	24+25		1.139,7	1.139,7	-	-	-	-	-	-	-
4	Đình Xuân Chính	53		4.154,6	1.118,7	3.035,9	74.782.000	-	3.930.500	53.620.000	-	132.332.500
5	Đặng Văn Duy - Đình Thị Hào	64		2.381,4	734,4	1.647,0	51.408.000	-	9.211.315	-	-	60.619.315
6	UBND xã Thanh Nưa	10		211,6	211,6	-	-	-	-	-	-	-
7	Lò Thị Ọi	67+68		709,6	709,6	-	9.834.000	-	-	-	-	9.834.000
	TỔNG			14.788,8	5.528,8	9.260,0	240.262.800	114.191.310	181.814.338	163.526.000	-	699.794.448

